

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUYỀN MỘC
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 40/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 11/4/2025

V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUYỀN MỘC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Văn Phú Hiên.
- Bà Ngô Thị Quốc Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Văn Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuyền Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyền Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 11 tháng 4 năm 2025 tại Tòa án nhân dân huyện Xuyền Mộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 323/2024/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2024 về “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2025/QĐXXST – HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2025; quyết định hoãn phiên tòa số 31/2025/QĐST – HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trương Văn L, sinh năm 1973 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp G, xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Bị đơn: Bà Trương Thị Kim M, sinh năm 1977 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp G, xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Trương Văn L trình bày:

Ông Trương Văn L và bà Trương Thị Kim M, xây dựng gia đình vào năm 1995, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Ông L và bà M sống chung với nhau hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, theo ông L nguyên nhân mâu thuẫn là bà M có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác, ông L nghe người khác nói lại, chứ không có chứng cứ gì chứng minh. Ngoài ra vợ chồng còn bất đồng về quan điểm,

về lối sống nên thường xuyên xảy ra tranh cãi, lúc nóng giận ông L và bà M có xảy ra xô xát. Trước đây ông L có nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn nhưng ông L đã rút đơn với mục đích vợ chồng đoàn tụ chung sống cùng nhau, ông L và bà M đã cố gắng hòa giải mâu thuẫn để vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng không thành, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Mặc dù vẫn còn sống chung trong một nhà nhưng mạnh ai nấy sống, vợ chồng không còn quan tâm gì đến nhau.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên ông L yêu cầu được ly hôn với bà M.

- Về con chung: Ông L và bà M có 03 con chung tên Trương Thị Thu T, sinh ngày 06/3/1996; Trương Thị Thu P, sinh ngày 18/8/1998 và Trương Thị Kim N, sinh ngày 07/11/2004. Tất cả con chung đã trưởng thành, ông L không có yêu cầu gì về con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông L và bà M tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Trương Thị Kim M, trình bày:

Về thời gian điều kiện và hoàn cảnh kết hôn như ông L trình bày là đúng, bà M không bổ sung gì thêm. Cuộc sống chung giữa bà M và ông L hạnh phúc đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do ông L ghen tuông vô cớ, không tin tưởng bà M, từ đó vợ chồng thường xảy ra cãi vã, đôi khi xảy ra xô xát. Hiện nay bà M và ông L vẫn sống chung một nhà với nhau, cuộc sống vẫn diễn ra bình thường.

Nay theo yêu cầu ly hôn của ông L thì bà M không đồng ý vì bà M còn tình cảm với ông L và muốn con cái có đầy đủ cả cha mẹ.

- Về con chung: Bà M và ông L có 03 con chung tên Trương Thị Thu T, sinh ngày 06/3/1996; Trương Thị Thu P, sinh ngày 18/8/1998 và Trương Thị Kim N, sinh ngày 07/11/2004. Tất cả con chung đã trưởng thành, bà M không có yêu cầu gì về con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà M và ông L tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp: Ông Trương Văn L yêu cầu ly hôn với bà Trương Thị Kim Mai Đ là quan hệ pháp luật “ly hôn” theo quy định tại khoản 1, Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn bà Trương Thị Kim M có nơi

cư trú tại huyện X theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Về việc tham gia phiên tòa của Kiểm sát viên: Theo Công văn số 53/CV – VKS ngày 04/3/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, về việc Viện kiểm sát không tham gia phiên tòa, vì lý do Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ nên không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Viện kiểm sát nhân dân huyện X không tham gia phiên tòa. Căn cứ quy định tại Điều 232 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử khi Viện kiểm sát không tham gia phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông L và bà M xây dựng gia đình vào năm 1995 có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (theo giấy chứng nhận kết hôn số 054/1995 ngày 18/12/1995), xét đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Về nguyên nhân mâu thuẫn giữa ông L và bà M trình bày có sự thống nhất là do vợ chồng không tin tưởng nhau, bất đồng quan điểm, không hợp nhau về tính tình, về lối sống nên thường xảy ra cãi vã đôi khi xảy ra xô xát, mặc dù ông L và bà M vẫn còn sống chung trong một nhà nhưng mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm gì đến nhau.

Kết quả xác minh tại địa phương: Do ông L và bà M không hòa giải ở cơ sở nên địa phương không nắm được mâu thuẫn giữa ông L và bà M. Hiện nay ông L và bà M vẫn sống chung với nhau là phù hợp với lời trình bày của ông L, bà M.

Xét yêu cầu của ông L cho thấy sau khi mâu thuẫn xảy ra, lẽ ra ông L và bà M phải cùng tìm cách khắc phục những mâu thuẫn của vợ chồng để cuộc sống chung được hạnh phúc và cùng nhau nuôi dạy con cái, nhưng mặc dù sống chung trong một nhà nhưng, mạnh ai nấy sống, vợ chồng không quan tâm gì đến nhau. Theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*”. Theo ông L trình bày trước đây ông L đã làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn nhưng ông L đã rút đơn và Tòa án đình chỉ, nhưng khi trở về ông L và bà M không thể sống được với nhau. Còn bà M cho rằng bà M vẫn còn tình cảm với ông L và mong muốn Tòa án hòa giải cho đoàn tụ. Tuy bà M yêu cầu đoàn tụ gia đình nhưng bà M không có biện pháp nào để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng. Tòa án đã tiến hành hòa giải với mục đích ông L và bà M trở về đoàn tụ chung sống nhưng ông L vẫn nhất quyết yêu cầu ly hôn.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy, tình cảm vợ chồng của ông L và bà M thật sự không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông L đối với bà M.

[3] Về con chung: Ông L và bà M có 03 con chung tên: Trương Thị Thu T, sinh ngày 06/3/1996; Trương Thị Thu P, sinh ngày 18/8/1998 và Trương Thị Kim N, sinh ngày 07/11/2004.

Hiện các con chung đã trưởng thành, ông L và bà M không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Ông L và bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Áp dụng Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Trương Văn L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 232 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của ông Trương Văn L đối với bà Trương Thị Kim M.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Trương Văn L được ly hôn với bà Trương Thị Kim M.

2. Về con chung:

Ông Trương Văn L và bà Trương Thị Kim M có 03 con chung tên: Trương Thị Thu T, sinh ngày 06/3/1996; Trương Thị Thu P, sinh ngày 18/8/1998 và Trương Thị Kim N, sinh ngày 07/11/2004. Hiện các con chung đã trưởng thành; ông L và bà M không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông Trương Văn L và bà Trương Thị Kim M, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Ông Trương Văn L phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm ông L đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005098 ngày 17/10/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Ông L

đã nộp đủ án phí.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND huyện Xuyên Mộc;
- Chi cục THADS huyện Xuyên Mộc;
- UBND xã Hòa Bình;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ
THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Nguyễn Thị Kim Thảo